TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 286/2024/QĐST-HNGĐ	*Đức Trọng, ngày 14 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 524/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mộng H**, sinh năm 2000. Trú tại: Số 5, thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông **Võ Đình T**, sinh năm 1995. Trú tại: Số 2, thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 71; 81; 82; 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mộng H và ông Võ Đình T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Mộng H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Duy K, sinh ngày 16/8/2020 cho đến ngày thành niên.

Ông Võ Đình T cấp dưỡng nuôi con chung Võ Duy K, sinh ngày 16/8/2020 với số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2024 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Hai bên thỏa thuận, bà Nguyễn Thị Mộng H nhận chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000078 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Bà Nguyễn Thị Mộng H đã nộp đủ án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THADS huyện Đức Trọng;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Số 21/2019, ngày đăng ký 20/3/2019);
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Hạnh